

마스크 착용 의무화 관련 주요 내용

Nội chung chính liên quan đến quy định bắt buộc đeo khẩu trang

○ 마스크, 이럴 땐 꼭 착용하실 것을 권고합니다!

Phải đeo khẩu trang trong các trường hợp sau

- (실내) 마스크 상시 착용
- (Trong phòng) Đeo khẩu trang thường xuyên
- (실외) ① 집회·공연·행사 등 다중이 모이는 경우는 거리두기에 관계없이 마스크 착용,
- (Ngoài trời) Đeo khẩu trang bất kể có giãn cách không trong trường hợp tụ tập đông người như mít tinh, biểu diễn, sự kiện v.v...
- 다른 사람과 2m 이상 거리두기가 어려운 경우 마스크 착용

Đeo khẩu trang khi khó thực hiện duy trì giãn cách trên 2m với người khác

※ 다만, 불특정 다수가 이용하여 감염확산 우려가 크고 고위험군이 많아 감염 차단 필요성이 큰 시설에서 마스크 미착용시는 10만원 이하의 과태료가 부과될 수 있음

Tuy nhiên, trường hợp không đeo khẩu trang tại nơi cần phải đặc biệt ngăn ngừa lây nhiễm do có nguy cơ lây nhiễm cao do tụ tập đông có thể bị phạt lên đến 100,000 won

○ 마스크, 이럴 땐 착용하지 않아도 돼요!

Không cần đeo khẩu trang trong những trường hợp sau

- (실내) 집·개인 사무실 등 분할된 공간에 혼자 있거나, 외부인 없이 가족 등 동거인과 함께 있을 때
- (Trong phòng) Khi ở một mình hoặc ở cùng với người thân, người sống cùng nhà trong không gian tách biệt như nhà- văn phòng riêng
- (실외) 실외에서 다른 사람과 2m 이상 거리두기가 가능할 때(조깅, 공원산책 등)
- (Ngoài trời) Khi có thể đảm bảo giãn cách trên 2m với người khác ở ngoài trời (khi đi bộ, đi dạo công viên v.v...)
- (기타) 마스크를 착용하고 하기 어려운 활동을 하는 경우(음식섭취, 수영·목욕, 세수·양치, 공연, 운동경기 등)
- (Khác) Khi thực hiện những hoạt động khó đeo được khẩu trang (Khi ăn uống, bơi- tắm, rửa mặt- đánh răng, biểu diễn, trong trận đấu thể thao v.v...)

<마스크 착용 행정명령에 따른 과태료 부과기준 안내>

<Hướng dẫn mức xử phạt theo lệnh hành chính bắt buộc đeo khẩu trang>

○ 행정명령 및 과태료 부과 대상 및 기간

Đối tượng và thời gian lệnh hành chính và xử phạt hành chính

- (법적근거) 감염병예방법 제49조(감염병의 예방조치), 제83조(과태료)
- (Căn cứ luật pháp) Điều 49 luật ngăn ngừa truyền nhiễm bệnh (Biện pháp ngăn ngừa bệnh truyền nhiễm), điều 83 (Mức xử phạt)
- (행정명령기간) 감염병 위기경보 수준 “경계·심각” 단계에서 행정명령권자(보건복지부장관, 질병관리청장, 시·도지사 또는 시장·군수·구청장)가 필요하다고 인정하는 기간
- (Thời gian lệnh hành chính) Thời gian mà Người có quyền ban bố lệnh hành chính (Thứ trưởng bộ y tế phúc lợi, Giám đốc cục quản lý bệnh tật, tỉnh trưởng- thị trưởng, thị trưởng- quận trưởng- chủ tịch ủy ban quận) cho rằng cần thiết trong giai đoạn cảnh báo nguy cơ lây nhiễm bệnh là “đề phòng- nghiêm trọng”
- (과태료 부과) 계도기간 1개월('20.10.13.~'20.11.12.) 후 2020년 11월 13일부터 부과 가능
- (Xử phạt hành chính) Sau thời gian hướng dẫn 1 tháng (13/10/2020~12/11/2020), có thể xử phạt từ ngày 13/11/2020
 - ※ 위반행위 적발 시 당사자에게 마스크를 착용할 것을 먼저 지도하고, 불이행시 과태료 부과
 - Khi phát hiện hành vi, trước tiên cần yêu cầu đeo khẩu trang và xử phạt hành chính nếu không thực hiện.
- (과태료 금액) 위반당사자 10만원 이하 및 관리·운영자 300만원 이하(1차 위반 150만원, 2차 이상 위반 300만원)

	<ul style="list-style-type: none"> • 뇌병변·발달장애인 등 주변의 도움 없이 스스로 마스크를 착용하거나 벗기 어려운 사람 • Người gặp khó khăn trong việc tự đeo hoặc cởi khẩu trang mà không có sự trợ giúp như người mắc chứng tổn thương não- người chậm phát trí tuệ • 호흡기질환 등 마스크 착용시 호흡이 어렵다는 의학적 소견을 가진 사람 • Người được cho rằng gặp khó khăn về mặt hô hấp theo y học khi đeo khẩu trang như bệnh nhân hô hấp v.v...
예외 상황 Tỉnh huống ngoại lệ	<ul style="list-style-type: none"> • 음식·음료를 먹거나 마실 때 • Khi ăn hoặc uống thức ăn- nước uống • 수영장·목욕탕 등 물속·탕 안에 있을 때 • Khi bơi dưới nước trong bể bơi hoặc ở trong nhà tắm công cộng. • 세수, 양치 등 개인위생 활동을 할 때 • Khi thực hiện các việc vệ sinh cá nhân như rửa mặt, đánh răng • 검진, 수술, 치료, 투약 등 의료행위 중 마스크 착용이 어려울 때 • Khi thực hiện các hành vi y tế khó có thể đeo khẩu trang như khám, phẫu thuật, điều trị, dùng thuốc • 얼굴을 보여야 하는 공연(무대에 머물때로 한정), 방송 출연(촬영할 때로 한정, 유튜브 등 개인방송은 사적 공간에서 촬영할 때로 한정) 및 사진 촬영(행사 등에서 공식적인 촬영을 할 때로 한정), 수어통역을 할 때 • Biểu diễn có lộ diện khuôn mặt (giới hạn khi đứng ở trên sân khấu), xuất hiện trên truyền hình (giới hạn lúc ghi hình, giới hạn trong không gian lúc ghi hình đối với phát sóng chương trình cá nhân như youtube v.v...) chụp ảnh (giới hạn khi chụp ảnh công khai trong sự kiện v.v...), khi dịch nói • 운동선수, 악기 연주자가 시합·경기 및 공연·경연을 할 때 • Khi vận động viên thi đấu- tranh đấu và nghệ sỹ biểu diễn nhạc cụ biểu diễn- thi tài • 결혼식장에서 신랑, 신부, 양가 부모님이 예식을 할 때 • Cô dâu, chú rể, gia đình hai bên làm lễ tại hội trường tiệc cưới • 업무 수행 중 마스크가 안전업무 수행을 저해할 우려(항공기 조종사 등)가 있을 때 • Khi có nguy cơ ảnh hưởng đến việc thực hiện nghiệp vụ an toàn nếu đeo khẩu trang khi làm việc (Phi công lái máy bay v.v..) • 본인 확인을 위한 신원확인 등 마스크를 벗어야 할 때 • Khi phải tháo khẩu trang để xác minh nhân thân v.v...